

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh
trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp,
phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà
nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều
kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn
thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà
nước của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum (tại Tờ trình số 2830/TTr-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về an

toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cục quản lý thị trường Kon Tum;
- Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + CVP, các PCVP;
- + Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- + Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.PTP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

QUY CHẾ
phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2024/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, hình thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp trong tham mưu quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, tham mưu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là cơ sở thực phẩm).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan trong phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

2. Thống nhất sự chỉ đạo từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, tuyến xã nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Trên cơ sở các quy định của Luật An toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

3. Trên cơ sở thống nhất tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, tránh hình thức, chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác an toàn thực phẩm.

4. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

5. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

6. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

7. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.

8. Thực hiện trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo danh mục quy định (các Phụ lục I, II, III kèm theo).

9. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 (hai) cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.

10. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 (hai) cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đầu giá nông sản.

11. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 (hai) cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

12. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi thông tin bằng văn bản hoặc các hình thức có giá trị tương đương văn bản cho cơ quan liên quan.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo.

3. Trực tiếp trao đổi thông tin trong quá trình phối hợp triển khai các hoạt động như: tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, công tác truyền thông, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

4. Trao đổi trực tiếp giữa lãnh đạo của các cơ quan, các đơn vị được giao làm đầu mối phối hợp và các đơn vị trực thuộc.

5. Cử cán bộ tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm; xử lý hoặc thông báo, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THAM MURU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ PHỐI HỢP TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

Mục 1

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THAM MURU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp trong tham mưu quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Sở Y tế - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh, là cơ quan đầu mối, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, có trách nhiệm như sau:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh về công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của cơ quan nhà nước cấp dưới; xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống và các đối tượng theo phân cấp quản lý quy định tại Phụ lục I và tại khoản 9, khoản 11 Điều 4 Quy chế này; các quy định của pháp luật liên quan.

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác tổ chức tuyên truyền, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

đ) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của ngành Công

Thương và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân công, phân cấp và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành Y tế quản lý theo quy định của pháp luật.

g) Phân công Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tổ chức giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền tham mưu quản lý và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; thực phẩm chức năng; các vi chất bổ sung vào thực phẩm và các thực phẩm khác trên địa bàn theo phân cấp của Bộ Y tế.

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công tham mưu, quản lý.

i) Chủ trì thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối, có trách nhiệm như sau:

a) Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục II và khoản 9, khoản 11 Điều 4 Quy chế này; các quy định của pháp luật liên quan; khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra, truy xuất, thu hồi, xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và quy định của pháp luật.

d) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp theo quy định.

đ) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm

trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ động phối hợp với Sở Công Thương lấy mẫu kiểm nghiệm và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối tại các chợ, siêu thị và Trung tâm thương mại.

e) Tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm, nâng cao ý thức chấp hành về an toàn thực phẩm của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý; đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cán bộ chuyên trách, không chuyên trách huyện, xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định.

g) Nghiên cứu và tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất nông sản, lâm sản, thủy sản an toàn; xây dựng các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, mô hình sản xuất áp dụng chương trình quản lý tiên tiến; tổ chức tập huấn và triển khai áp dụng GMP (Good manufacturing Practice - Thực hành sản xuất tốt), GHP (Good Hygiene Practice - Thực hành vệ sinh tốt), HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point System - Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn), ISO 22000 (International Organization for Standardization - Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm) cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc ngành quản lý.

h) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về tác hại đối với sức khỏe người tiêu dùng và thiệt hại kinh tế đối với nhà sản xuất, kinh doanh khi sử dụng chất cấm hoặc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kháng sinh; đặc biệt không sử dụng chất cấm, chất bảo quản, phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ngoài danh mục; tuân thủ “bốn đúng” về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; tuyên truyền, phổ biến để người tiêu dùng hiểu biết và sử dụng sản phẩm an toàn có xác nhận.

i) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

k) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc lĩnh vực được phân công tham mưu quản lý.

l) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, hướng dẫn, tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi được phân công trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công thương (công nghiệp thực phẩm), có trách nhiệm như sau:

a) Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục III và khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 4 Quy chế này; các quy định của pháp luật liên quan.

b) Triển khai thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển ngành sau khi được phê duyệt, gồm: Công nghiệp thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột) và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm công nghiệp; triển khai tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương và các sản phẩm khác, an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm thuộc phạm vi tham mưu quản lý của Sở Công Thương; chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan xây dựng, triển khai và nhân rộng mô hình chợ an toàn thực phẩm.

d) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, tuyên truyền pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Ban Chỉ đạo 389) tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc lĩnh vực được phân công tham mưu quản lý.

g) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận hồ sơ tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm được phân công tham mưu quản lý.

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận bản sao các loại Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; tiếp nhận bản cam kết và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã theo phân công, phân cấp.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Kiện toàn và nâng cao hiệu lực,

hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm từ cấp huyện đến cấp xã. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

b) Bố trí nguồn lực để thực hiện việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại địa phương.

c) Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với:

Thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống hộ gia đình do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có quy mô phục vụ dưới 100 suất ăn; bếp ăn tập thể, căn tin trong các cơ sở giáo dục có quy mô phục vụ dưới 200 suất ăn (trừ bếp ăn tập thể là cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

Cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh nông sản, lâm sản và thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, bao gồm cả các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong các chợ (trừ chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản) được cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, bao gồm cả các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong các chợ (trừ chợ đầu mối và chợ đầu giá nông sản) được cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định và các đối tượng theo phân cấp quản lý tại Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Kon Tum cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND.

d) Cân đối, bố trí kinh phí theo phân cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đảm bảo các quy định hiện hành để xây dựng chợ đảm bảo an toàn thực phẩm.

đ) Chủ động xây dựng vùng sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm an toàn; các cơ sở giết mổ gia súc tập trung hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường; xây dựng mô hình cộng đồng tham gia quản lý, giám sát việc bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương.

e) Tổ chức tuyên truyền, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

g) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn

thực phẩm trên địa bàn cho người dân và đến từng hộ nông dân, chủ trang trại, doanh nghiệp.

h) Hướng dẫn và thực hiện tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp nhận hồ sơ tự công bố đối với các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với phân cấp quản lý an toàn thực phẩm ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

i) Chủ động, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn, xử lý nghiêm việc nhập lậu, lưu thông, sản xuất, kinh doanh thực phẩm không an toàn, không rõ nguồn gốc trên địa bàn.

k) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Kien toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm cấp xã. Thực hiện kiểm tra, giám sát và quản lý tốt thức ăn đường phố, các xe đẩy bán rong trước cổng trường học, xe bán thực phẩm lưu động, các lễ hội, hiếu hỷ tại địa phương.

l) Thực hiện thống kê, rà soát cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý ngành Công Thương trên địa bàn và báo cáo theo quy định.

m) Trường hợp cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có biến động số suất ăn phục vụ hoặc chưa xác định số suất ăn phục vụ, để không chồng chéo về đối tượng, nội dung, địa bàn và thời gian kiểm tra thì việc kiểm tra được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 17/2023/TT-BYT.

Mục 2

PHỐI HỢP TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 7. Trách nhiệm chung trong hoạt động phối hợp bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Cục Quản lý thị trường Kon Tum: Tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum; thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh

a) Điều tra, phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vệ sinh môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Phối hợp với các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và lực lượng hải quan có kế hoạch phòng, chống việc nhập lậu thực phẩm, thực phẩm kém chất lượng tại các cửa khẩu.

4. Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum: Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, kiểm soát thực phẩm nhập khẩu, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến thực phẩm tại các cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra các quy định về bảo hộ nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thực phẩm; khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

b) Triển khai, hướng dẫn hỗ trợ việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo tiêu chuẩn địa phương, quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm.

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với hàng thực phẩm đóng gói sẵn theo quy định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan quản lý nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường; hướng dẫn các quy định liên quan về bảo vệ môi trường trong hoạt động tiêu hủy sản phẩm thực phẩm không an toàn, trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản, chế biến, kinh doanh thực phẩm; xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm tại các khu, điểm du lịch.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở lưu trú du lịch có kinh doanh dịch vụ ăn uống, Ban tổ chức các lễ hội (thuộc thẩm quyền quản lý của Sở) chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, bảo đảm an toàn cho khách du lịch, tham quan và tham dự các lễ hội.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm tại các sự kiện văn hóa, du lịch và hoạt động quảng cáo sản phẩm, hàng hóa thực phẩm theo quy định của pháp luật.

8. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm phù hợp với khả năng ngân sách, theo đúng quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Y tế tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức huy động, vận động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức

(ODA), viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; bố trí vốn đầu tư công (nếu có) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục kiến thức về an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục. Huy động giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh tham gia tích cực vào công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục có dịch vụ ăn uống phải bảo đảm đủ điều kiện về an toàn thực phẩm.

b) Chủ động xây dựng các mô hình bếp ăn bảo đảm an toàn thực phẩm ở các cơ sở giáo dục có tổ chức bán trú gắn với phong trào dạy tốt, học tốt và các phong trào khác của ngành Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục an toàn thực phẩm trong một số môn học liên quan của chương trình giảng dạy ở các cấp học.

c) Hằng năm chủ động phối hợp với Sở Y tế kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục có tổ chức bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng những quy định và kiến thức về an toàn thực phẩm (chú trọng việc nâng cao nếp sống vệ sinh, khoa học; thay đổi phong tục tập quán lạc hậu); phản ánh tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn; cập nhật thông tin về các mặt hàng, sản phẩm, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn và không an toàn để người tiêu dùng biết, lựa chọn và phòng tránh.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum

a) Xây dựng chuyên trang, chuyên mục để phổ biến các kiến thức, quy định pháp luật và các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân trên địa bàn tỉnh biết, chủ động, tích cực tham gia.

b) Chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền kiến thức và các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm; hướng dẫn lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm bảo đảm an toàn; cập nhật đưa tin, bài phản ánh những cơ sở bảo đảm an toàn thực phẩm và những cơ sở không an toàn, vi phạm về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền cung cấp để người tiêu dùng biết lựa chọn và phòng tránh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương ký kết hợp tác tuyên truyền về an toàn thực phẩm.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và chính quyền các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát về an toàn thực phẩm.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho các tổ chức thành viên, hội viên và cộng đồng cùng tích cực tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm; xây dựng các mô hình cộng đồng tự giám sát an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; vận động xây dựng các mô hình: Chợ an toàn; giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất nông sản, thủy sản an toàn; mô hình bảo đảm an toàn thực phẩm thức ăn đường phố và xây dựng Làng văn hóa sức khỏe, tạo dư luận xã hội mạnh mẽ trong việc cổ vũ, biểu dương và tổ chức nhân rộng các điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, đồng thời kiên quyết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

c) Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã vận động hội viên và cộng đồng, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, từng hộ gia đình, tổ chức doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, tạo chuyển biến căn bản trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên cơ sở hình thành nếp sống văn hóa: Nông dân Việt Nam là người sản xuất an toàn, người Việt Nam tiêu dùng thực phẩm phải an toàn, góp phần bảo đảm sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, nâng cao uy tín quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế.

14. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Thường xuyên phát động phong trào phụ nữ tham gia giám sát về bảo đảm an toàn thực phẩm. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng tổ chức các chương trình tập huấn, thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm cho phụ nữ, đặc biệt là các bà nội trợ, chị em sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ lẻ, phụ nữ tham gia dịch vụ nấu ăn lưu động. Vận động phụ nữ trở thành người tiêu dùng thông thái, kiên quyết tẩy chay không sử dụng sản phẩm thực phẩm kém chất lượng và kịp thời tố giác, lên án những tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình về bảo đảm an toàn thực phẩm. Đồng thời giới thiệu các địa chỉ sản xuất, kinh doanh thực phẩm đủ điều kiện an toàn thực phẩm đến cán bộ, hội viên, phụ nữ. Biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân phụ nữ trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

15. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh: Thường xuyên phát động các phong trào sáng kiến, việc làm tốt về bảo đảm an toàn thực phẩm, tích cực đấu tranh với các hành vi mất an toàn thực phẩm trong cộng đồng. Phối hợp tổ chức hoạt động tập huấn, hướng dẫn cho hội viên về sản xuất thực phẩm an toàn, phương pháp chế biến, bảo quản khoa học, sử dụng đúng cách các hóa chất bảo vệ thực vật và an toàn thức ăn chăn nuôi, phân bón. Phối hợp với các ngành, đoàn thể phổ biến, hướng dẫn giải pháp kỹ thuật tiên tiến bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm.

16. Đề nghị Tỉnh Đoàn

a) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và chính quyền các cấp tổ chức phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và cán bộ đoàn viên, thanh niên, thiếu niên.

b) Vận động cộng đồng cùng tích cực tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm; xây dựng các mô hình cộng đồng tự giám sát an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nhất là cơ sở chế biến thực phẩm nhỏ, lẻ; xây dựng mô hình bảo đảm an toàn thực phẩm thức ăn đường phố; xây dựng Làng văn hóa sức khỏe.

c) Phát hiện, biểu dương các tổ chức cơ sở Đoàn, đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm, chuyển tải thông tin về các hoạt động quản lý an toàn thực phẩm, đồng thời phê phán, đưa tin các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

Điều 8. Phối hợp trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về an toàn thực phẩm

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tư pháp và các địa phương, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về an toàn thực phẩm của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tư pháp và các địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu góp ý dự thảo các văn bản do Sở Y tế gửi lấy ý kiến.

3. Sở Tư pháp thực hiện chức năng thẩm định dự thảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14.

4. Hàng năm, các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch, chương trình công tác triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý và gửi về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Điều 9. Phối hợp trong hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện chương trình của Trung ương về thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm, cảnh báo mối nguy về an toàn thực phẩm; chú trọng tuyên truyền trong các đợt cao điểm như tết Dương lịch, tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, tết Trung thu.

2. Việc thông tin, phát ngôn về sự cố an toàn thực phẩm cho các cơ quan thông tin đại chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

a) Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện.

2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm thống nhất, không chồng chéo, trùng lặp và đúng quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

3. Trong trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch, chương trình thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành.

4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan chủ trì việc thanh tra, kiểm tra phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp thanh tra, kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.

6. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các sở, ngành, các đơn vị liên quan từ lập kế hoạch đến thực hiện thanh tra, kiểm tra và kết quả thanh tra, kiểm tra để bảo đảm công tác phối hợp được thực hiện.

7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh để xem xét, giải quyết.

8. Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành trong các đợt cao điểm thì Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức và phân công thực hiện kiểm tra các sản phẩm, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm của các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ để tham gia.

9. Cục Quản lý thị trường Kon Tum, Công an tỉnh tích cực phối hợp với các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh bảo đảm thống nhất, không chồng chéo, trùng lặp và đúng quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Điều 11. Phối hợp trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm

1. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chủ động tổ chức thực hiện Chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Sở, ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chế độ họp

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh văn bản thông báo tổ chức họp định kỳ 6 tháng một lần hoặc cuộc họp bất thường về nội dung thời gian, địa điểm trước 5 ngày làm việc (kèm các tài liệu liên quan), để đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; lập Kế hoạch và đề ra phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Thời gian họp định kỳ: Từ ngày 05 đến ngày 15 tháng 7 và từ ngày 05 đến ngày 15 tháng 01 năm liền kề.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh báo cáo định kỳ 03 tháng, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất những vấn đề liên quan đến việc triển khai thực hiện Quy chế này về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm). Thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 của tháng cuối cùng trong quý, năm và theo yêu cầu các đợt cao điểm, đột xuất trong năm.

2. Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế và cơ quan có liên quan trước ngày 20 của tháng cuối cùng trong quý, năm và theo yêu cầu các đợt cao điểm, đột xuất trong năm.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan nêu tại Quy chế và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu tại Quy chế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này; các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÀNH Y TẾ THAM MƯU,
GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM TRONG PHẠM VI ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2024/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm).	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc thẩm quyền phân công của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
2	Thực phẩm chức năng.	
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm.	
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.	
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó thuộc thẩm quyền phân công của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
6	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục thuộc thẩm quyền phân công của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.	

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THAM MƯU, GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG
PHẠM VI ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2024/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc.	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt).	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên).	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu).	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin).	Trừ thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết).	Trừ sản phẩm dạng bánh thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng).	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
	của các loài thủy sản).	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến).	Trừ thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm.	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phòng tôm, cá, mực).	Trừ sản phẩm dạng bánh thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm.	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay).	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống.
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép).	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư.	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược).	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng.	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng.	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong.	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa.	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ.	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác.	
X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột,	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) thuộc thẩm quyền phân công

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
	dịch chiết, mù tạt).	của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt.	
3	Tương, nước chấm.	
4	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền.	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn.	
2	Đường khác (kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen).	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường.	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu.	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác.	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
XIII	Cà phê	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê.	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê.	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
XIV	Ca cao	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác.	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao.	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (chi Piper) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền.	
2	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền.	
XVI	Điều	
1	Hạt điều.	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều.	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều thuộc thẩm quyền phân công của ngành Công Thương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa) đã hoặc chưa chế biến.	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây).	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (châu chấu, dế, nhộng tằm).	
XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG THAM MƯU, GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG PHẠM VI ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2024/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bổ thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
		mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	
6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	
9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	
12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: Rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: Mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghetti, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnochì, ravioli, cannelloni, cháo ăn	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm liền, bánh đa, phở, bún, miến.	Ghi chú
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng thuộc thẩm quyền phân công của ngành Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong phạm vi địa bàn tỉnh.
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	